

PHỤ LỤC I

KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025						Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023		Ghi chú	Chủ đầu tư
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW		
								Tổng số	Trong đó							Trong đó					
																Tổng số	Năm 2021				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	
	TỔNG SỐ							8.913.624	6.529.208	44.856	44.856	10.164.788	6.484.352	1.382.492	562.398	820.094	2.194.187	1.476.487			
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA							713.217	713.217			2.014.302	713.217	184.086		184.086	508.187	189.487			
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới					2021 - 2025	263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022	452.350	452.350			1.726.835	452.350	117.140		117.140	441.030	128.530			
II	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững					2021 - 2025	90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022	100.111	100.111			110.411	100.111	36.876		36.876	23.279	21.079			
III	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi					2021 - 2025	1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021	160.756	160.756			177.056	160.756	30.070		30.070	43.878	39.878			
B	CHƯƠNG TRÌNH PHỤC HỒI VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI							479.783	431.856	44.856	44.856	430.205	387.000				396.000	387.000			
I	Phòng chống sạt lở bờ sông, bờ biển, bảo đảm an toàn hồ chứa, thích ứng biến đổi khí hậu, khắc phục hậu quả thiên tai							283.483	254.856	44.856	44.856	233.905	210.000				210.000	210.000			
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023							283.483	254.856	44.856	44.856	233.905	210.000				210.000	210.000			
1	Dự án đầu tư xây dựng Kê chống xói lở bờ biển đoạn từ Đất Mũi đến cửa biển Vàm Xoáy, huyện Ngọc Hiển	7830084	B	H. Ngọc Hiển	3000m	2020 - 2023	1059/QĐ-UBND ngày 15/6/2020; 1565/QĐ-UBND ngày 20/6/2022; 2590/QĐ-UBND ngày 21/10/2022	129.578	124.856	24.856	24.856	100.000	100.000				100.000	100.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Dự án đầu tư xây dựng kê chống xói lở bờ biển đoạn từ Kênh Năm Ô Rô đến Kênh Năm, huyện Ngọc Hiển	7846178	B	H. Ngọc Hiển	3100m	2020 - 2023	1060/QĐ-UBND ngày 15/6/2020; 1578/QĐ-UBND ngày 23/6/2022	153.905	130.000	20.000	20.000	133.905	110.000				110.000	110.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
II	Đầu tư nâng cao năng lực y tế dự phòng, y tế cơ sở:							196.300	177.000			196.300	177.000				186.000	177.000			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2023							196.300	177.000			196.300	177.000				186.000	177.000			
1	Dự án đầu tư nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) tỉnh Cà Mau		C	Tp. Cà Mau	Công trình dân dụng	2022 - 2023	2239/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	25.000	25.000			25.000	25.000				25.000	25.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
2	Dự án đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 10 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Cà Mau	7971692	B	Các huyện: NC, CN, ĐĐ, TVT, NH, PT, TB, TPCM	10 BVĐK, TTYT tuyến huyện	2022 - 2023	2240/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	101.300	97.000			101.300	97.000				101.000	97.000		Ban Quản lý các dự án ODA và NGO	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025					Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023		Ghi chú	Chủ đầu tư		
							Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW
								Tổng số	Trong đó						Tổng số	Trong đó					
																Tổng số	Năm 2021				
3	Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 19 Trạm Y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cà Mau	7973464	B	Các huyện: ĐD, TB, NH, NC, PT, UM	19 Trạm	2022 - 2023	2247/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	70.000	55.000			70.000	55.000			60.000	55.000		Ban Quản lý các dự án ODA và NGO		
C	ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC							7.720.624	5.384.135			7.720.281	5.384.135	1.198.406	562.398	636.008	1.290.000	900.000			
I	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH							3.301.653	2.347.313			3.301.653	2.347.313				370.000	70.000			
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2023							3.301.653	2.347.313			3.301.653	2.347.313				370.000	70.000			
1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau quy mô 1.200 giường bệnh	7602257	A	TP. Cà Mau	1.200 giường	2020 - 2025	2759/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	3.301.653	2.347.313			3.301.653	2.347.313			370.000	70.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
II	GIAO THÔNG							4.418.971	3.036.822			4.418.628	3.036.822	1.198.406	562.398	636.008	920.000	830.000			
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023							4.418.971	3.036.822			4.418.628	3.036.822	1.198.406	562.398	636.008	920.000	830.000			
1	Dự án đầu tư xây dựng cầu sông Ông Đốc, tuyến trục Đông - Tây và cầu Gành Hào	7875095	B	ĐD, CN, TVT	18 km, 02 cầu lớn	2021 - 2024	2387/QĐ-UBND ngày 10/12/2020; 977/QĐ-UBND ngày 21/5/2021; 1028/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	2.149.476	1.300.000			2.149.476	1.300.000	762.398	562.398	200.000	380.000	330.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
2	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến cầu Xóm Ruộng)	7864568	B	TP.CM, Đầm Dơi	19,2 km	2021 - 2024	1030/QĐ-UBND ngày 31/5/2021; 3122/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	773.723	533.468			772.968	533.468	250.008		250.008	260.000	250.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
3	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cái Nước - Vàm Đĩnh - Cái Đồi Vàm	7907305	B	Cái Nước, Phú Tân	25,3km, 01 cầu	2022 - 2025	2003/QĐ-UBND ngày 29/9/2021; 2681/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	735.562	623.007			736.290	623.007	56.000		56.000	160.000	150.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
4	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường U Minh - Khánh Hội	7907306	B	U Minh	18,3km, 03 cầu	2022 - 2025	2256/QĐ-UBND ngày 22/10/2021; 2682/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	760.210	580.347			759.894	580.347	130.000		130.000	120.000	100.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	

* Ghi chú: Chủ đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước cập nhật thông tin chi tiết đến Loại, Khoản của Mục lục ngân sách theo quy định đối với từng dự án do đơn vị làm chủ đầu tư.

PHỤ LỤC II
KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI - VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI) NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Nhà tài trợ	Ngày ký kết Hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Quyết định đầu tư									Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025										Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023					Ghi chú	Chủ đầu tư					
								TMDT										Trong đó:					Trong đó:					Trong đó:											
								Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)							Vốn đối ứng		Vốn nước ngoài			Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài								
								Quy đổi ra tiền Việt			Quy đổi ra tiền Việt							Quy đổi ra tiền Việt		Quy đổi ra tiền Việt			Quy đổi ra tiền Việt			Quy đổi ra tiền Việt		Quy đổi ra tiền Việt											
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Tinh bằng nguyên tệ	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTW	Trong đó:								
											Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW	Vay lại			Tổng số		Đưa vào cân đối NSTW			Vay lại	Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW			Vay lại	Tổng số	Đưa vào cân đối NSTW			Vay lại								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	
	TỔNG SỐ								1.023.849	192.945			830.904	633.786	197.118	228.157	38.299	189.858	134.963	54.895	772.166	131.120		641.046	498.823	250.313	144.855	105.458	142.223	180.878	45.000	135.878	93.978	41.900					
I	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI VÀ THỦY SẢN								1.023.849	192.945			830.904	633.786	197.118	228.157	38.299	189.858	134.963	54.895	772.166	131.120		641.046	498.823	250.313	144.855	105.458	142.223	180.878	45.000	135.878	93.978	41.900					
	<i>(1) Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023</i>								<i>792.884</i>	<i>135.825</i>			<i>657.059</i>	<i>459.941</i>	<i>197.118</i>	<i>228.157</i>	<i>38.299</i>	<i>189.858</i>	<i>134.963</i>	<i>54.895</i>	<i>541.201</i>	<i>74.000</i>		<i>467.201</i>	<i>324.978</i>	<i>249.855</i>	<i>144.855</i>	<i>105.000</i>	<i>142.223</i>	<i>161.023</i>	<i>44.000</i>		<i>117.023</i>	<i>75.123</i>	<i>41.900</i>				
1	Tiểu dự án 8: Đầu tư xây dựng CSHT để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững DBSCL" - ICRSL.	7605935	B	Đầm Dơi, Năm Căn, Ngọc Hiển, Trần Văn Thời, Phú Tân, U Minh	WB	07/11/2016	2022		1693/QĐ-BNN ngày 09/5/2016; 1563/QĐ-UBND ngày 24/9/2018; 2710/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	792.884	135.825		35,59 triệu USD	657.059	459.941	197.118	228.157	38.299		189.858	134.963	54.895	541.201	74.000		467.201	324.978	249.855	144.855	105.000	142.223	161.023	44.000		117.023	75.123	41.900		Sơ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
	<i>(2) Các dự án khởi công mới năm 2023</i>								<i>230.965</i>	<i>57.120</i>			<i>173.845</i>	<i>173.845</i>								<i>230.965</i>	<i>57.120</i>		<i>173.845</i>	<i>173.845</i>	<i>458</i>		<i>458</i>		<i>19.855</i>	<i>1.000</i>		<i>18.855</i>	<i>18.855</i>				
1	Dự án "Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi đại rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau"	7731818	B	U Minh	KFW	04/27/2018	2025		5758/QĐ-BNN-HHQ ngày 29/12/2017; 815/QĐ-TTg ngày 12/7/2022	230.965	57.120		9,3 triệu Euro	173.845	173.845							230.965	57.120		173.845	173.845	458		458		19.855	1.000		18.855	18.855			Sơ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	

* Ghi chú: Chủ đầu tư phối hợp với Sở Tài chính, Khoa bạc Nhà nước cập nhật thông tin chi tiết đến Lưu, Khoán của Mục lục ngân sách theo quy định đối với từng dự án do đơn vị làm chủ đầu tư.

PHỤ LỤC III

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư		Quyết định phê duyệt đầu tư		Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2020	Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất do tỉnh quản lý giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch vốn năm 2023	Đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép gia hạn thời gian bố trí kế hoạch vốn trong Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 (các dự án có đánh dấu X)	Chủ đầu tư
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số	Trong đó					
													Tổng số	Trong đó				
														Năm 2021	Năm 2022			
TỔNG												926.856	393.750	236.700	157.050	190.350		
I	Thanh toán cho các dự án											583.106	50.000		50.000	190.350	Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai sử dụng sau khi các dự án đảm bảo đủ điều kiện thanh toán theo đúng quy định	
	<i>Trong đó:</i>																	
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường phía bờ Nam Sông Đốc nối vào Quốc lộ 1A (Rau Dừa - Rạch Ràng - Sông Đốc)	7249003	B	H. CN, TVT	Cấp IV ĐB	2013 - 2020			1566/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1655/QĐ-UBND ngày 31/10/2014, 1271/QĐ-UBND ngày 31/7/2019; 72/QĐ-UBND ngày 13/01/2019	1.521.792	1.156.960						X	Sở Giao thông vận tải
2	Dự án đầu tư xây dựng đường cứu hộ, cứu nạn đê biển Tây, phục vụ an ninh, quốc phòng khu vực Hòn Đá Bạc kết hợp phòng chống cháy rừng Vườn quốc gia U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau (tuyến đường Tắc Thủ - Vàm Đá Bạc)	7249001	B	H. TVT, UM	Cấp IV ĐB	2013 - 2020			1569/QĐ-UBND 31/10/2012; 1656/QĐ-UBND 31/10/2012; 1683/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	657.270	258.209		21.899		21.899		X	Sở Giao thông vận tải
3	Dự án nâng cấp đô thị vùng ĐBSCL - Tiểu dự án thành phố Cà Mau	7199192	B	TP. Cà Mau	120,9ha	2012 - 2018			160/QĐ-UBND ngày 07/02/2012; 2092/QĐ-UBND ngày 25/12/2018	1.383.850	1.182.471						X	Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
4	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư Phường 4, Phường 9, thành phố Cà Mau	7837488	B	TP. Cà Mau	9,85ha	2021 - 2024	508/QĐ-UBND ngày 30/3/2020	181.055	1383/QĐ-UBND ngày 27/7/2020	181.055								Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
5	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư thuộc Khu đô thị Hành chính, Văn hóa, Thể thao và Dịch vụ tỉnh Cà Mau	7639653	B	TP. Cà Mau		2017 - 2022			1416/QĐ-UBND ngày 18/8/2017; 1363/QĐ-UBND ngày 14/8/2019; 1407/UBND-XD ngày 30/3/2021	420.689								Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
6	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư C1, C2 thuộc Khu đô thị cửa ngõ Đông Bắc, thành phố Cà Mau	7644220	B	TP. Cà Mau	17,472ha	2017 - 2021			1571/QĐ-UBND ngày 18/9/2017; 1739/QĐ-UBND ngày 15/9/2020	260.838								Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
II	Kế hoạch đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất do tỉnh quản lý năm 2023 còn lại											343.750	343.750	236.700	107.050			

PHỤ LỤC IV

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch vốn năm 2023	Chủ đầu tư
	TỔNG	41.900	
1	Tiểu Dự án 8: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL - ICRSL"	41.900	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

PHỤ LỤC V.1

DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT GIA HẠN THỜI GIẠN BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt đầu tư		Lũy kế kế hoạch vốn đã bố trí đến hết năm 2022		Đề xuất gia hạn thời gian bố trí vốn đến năm 2023		Ghi chú	Chủ đầu tư			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT								
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14		
	TỔNG SỐ					1.281.150	241.150	1.099.259	59.259	45.000	45.000				
I	GIAO THÔNG					1.089.849	49.849	1.041.450	1.450	36.000	36.000				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023					1.089.849	49.849	1.041.450	1.450	36.000	36.000				
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục Đông - Tây tỉnh Cà Mau (đoạn từ Km18+000 đến cửa biển Gành Hào) và cầu qua sông Cái Nai (Khu kinh tế Năm Căn)	7618350	B	2017 - 2022	1473/QĐ-UBND ngày 28/8/2017; 182/QĐ-UBND ngày 02/02/2018; 562/QĐ-UBND ngày 07/4/2020; 2551/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 2773/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	1.089.849	49.849	1.041.450	1.450	36.000	36.000	Dự án đã được bố trí vốn 05 năm (từ năm 2017-2021), vượt thời gian tối đa được bố trí vốn đối với dự án nhóm B (không quá 04 năm) theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019. Nay, chủ đầu tư đề nghị bố trí Kế hoạch đầu tư công năm 2023 để hoàn trả tạm ứng ngân sách tỉnh và thanh toán hoàn thành dự án. Việc quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh; do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép tiếp tục bố trí kế hoạch vốn thực hiện dự án đến năm 2023	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
II	HẠ TẦNG ĐÔ THỊ					191.301	191.301	57.809	57.809	9.000	9.000				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023					191.301	191.301	57.809	57.809	9.000	9.000				
1	Cầu qua sông Tắc Thủ thuộc đường Vành đai 1, thành phố Cà Mau	7440195	B	2017 - 2023	1984/QĐ-UBND ngày 27/12/2013; 913/QĐ-UBND ngày 22/5/2017; 7858/UBND-XD ngày 17/11/2022	191.301	191.301	57.809	57.809	9.000	9.000	Dự án đã được bố trí vốn 04 năm (từ năm 2017-2020). Nay, chủ đầu tư đề nghị bố trí Kế hoạch đầu tư công năm 2023 để thanh toán khối lượng thực hiện, hoàn thành dự án trong năm 2023, vượt thời gian tối đa được bố trí vốn đối với dự án nhóm B (không quá 04 năm) theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019. Việc quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh; do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép tiếp tục bố trí kế hoạch vốn thực hiện dự án đến năm 2023	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		

PHỤ LỤC V.2

KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2023		Ghi chú	Chủ đầu tư			
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Trong đó, Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTT giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí năm 2021 - 2022				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT							Tổng số	Trong đó					
																				Năm 2021					Năm 2022
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24		
	TỔNG SỐ							3.412.820	1.906.529		3.335.848	1.736.799	936.149	69.197	1.728.191	1.318.939	374.754	162.373	212.381	409.182	409.182				
I	GIAO THÔNG							1.356.283	316.283		1.282.923	242.923	842.359	2.359	216.060	216.060	91.878	60.078	31.800	64.500	64.500				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023							1.271.281	231.281		1.198.993	158.993	842.359	2.359	133.078	133.078	91.578	60.078	31.500	41.500	41.500				
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường trục Đông - Tây tỉnh Cà Mau (đoạn từ Km18+000 đến cửa biển Gành Hào) và cầu qua sông Cái Nai (Khu kinh tế Năm Căn)	7618350	B	Các huyện: Đầm Dơi, Năm Căn	Phản đường dài 25,94km đường (gồm 18 cầu, 01 cống); cầu Cái Nai dài 631m	2017 - 2022	49/HĐND-TT ngày 20/02/2017; 29/NQ-HĐND ngày 15/7/2021; 1419/QĐ-UBND ngày 27/7/2021	1.159.718	119.718	1473/QĐ-UBND ngày 28/8/2017; 182/QĐ-UBND ngày 02/02/2018; 562/QĐ-UBND ngày 07/4/2020; 2551/QĐ-UBND ngày 31/12/2020; 2773/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	1.089.849	49.849	841.450	1.450	36.000	36.000					36.000	36.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
2	Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường từ cầu 7 Kênh (tuyến kênh 18) đến điểm du lịch sinh thái Sông Trèm	7639406	C	H. U Minh	3.016 m	2021 - 2023	1418/QĐ-UBND ngày 18/8/2017	49.705	49.705	2255/QĐ-UBND ngày 26/11/2020	49.703	49.703	669	669	43.078	43.078	41.578	25.078	16.500	1.500	1.500		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
3	Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Tắc Thủ - Rạch Ráng - Sông Đốc đoạn qua nôi ở thị trấn Trần Văn Thời (từ cầu Rạch Ráng đến đường số 11)	7817444	C	H. TVT	693 m	2021 - 2023	1792/QĐ-UBND ngày 18/10/2019; 1919/QĐ-UBND ngày 14/10/2020	61.858	61.858	2081/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	59.441	59.441	240	240	54.000	54.000	50.000	35.000	15.000	4.000	4.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2023							85.002	85.002		83.930	83.930	0	0	82.982	82.982	300	0	300	23.000	23.000				
1	Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp đường giao thông Vườn Quốc gia U Minh hạ	7952488	C	H. TVT, UM	13,26km	2023 - 2025	2367/QĐ-UBND ngày 04/11/2021	70.054	70.054	1840/QĐ-UBND ngày 22/7/2022	68.982	68.982	0	0	69.982	69.982	300		300	18.000	18.000		Vườn Quốc gia U Minh hạ		
2	Cầu Kênh Xáng Cái Nước - Vàm Đình, huyện Cái Nước và huyện Phú Tân	7971829	C	Huyện Cái Nước và huyện Phú Tân	82 m	2022 - 2024	2795/QĐ-UBND ngày 26/7/2022	14.948	14.948	3581/QĐ-UBND ngày 28/9/2022	14.948	14.948			13.000	13.000				5.000	5.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Cái Nước		
II	HẠ TẦNG ĐÓ THỊ							236.015	230.070		236.012	230.067	57.809	57.809	44.779	44.779	13.000	0	13.000	24.279	24.279				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023							221.025	215.080		221.025	215.080	57.809	57.809	32.779	32.779	13.000	0	13.000	19.779	19.779				
1	Cầu qua sông Tắc Thủ thuộc đường Vành đai 1, thành phố Cà Mau	7440195	B	TP Cà Mau	1.410 m	2017 - 2023		191.301	191.301	1984/QĐ-UBND ngày 27/12/2013; 913/QĐ-UBND ngày 22/5/2017; 7856/UBND-XD ngày 17/11/2022	191.301	191.301	57.809	57.809	9.000	9.000				9.000	9.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		
2	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đinh Tiên Hoàng (đoạn từ đường Phan Ngọc Hiển đầu nối vào Dự án Khu dân cư Minh Thắng)	7890565	C	TP. Cà Mau	293m	2021 - 2023	170/QĐ-UBND ngày 14/01/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Cà Mau	29.724	23.779	1854/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của Chủ tịch UBND thành phố Cà Mau	29.724	23.779	0	0	23.779	23.779	13.000		13.000	10.779	10.779		Hỗ trợ ngân sách thành phố Cà Mau		
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2023							14.990	14.990		14.987	14.987	0	0	12.000	12.000	0	0	0	4.500	4.500				
1	Cầu Lô 18, khóm 5, thị trấn Đầm Dơi		C	TT Đầm Dơi	0,5HL-93	2022 - 2024	691/QĐ-UBND ngày 21/9/2022	14.990	14.990	693/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	14.987	14.987			12.000	12.000				4.500	4.500		Hỗ trợ ngân sách huyện Đầm Dơi		
III	MÔI TRƯỜNG							591.817	248.371		591.803	155.599	35.506	8.554	432.752	23.500	18.200	10.500	7.700	5.300	5.300				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023							23.844	23.844		23.830	23.830	238	238	21.000	21.000	17.700	10.000	7.700	3.300	3.300				
1	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước đường Hải Thượng Lãn Ông, thành phố Cà Mau	7817445	C	TP. Cà Mau	Công trình HTKT cấp III	2021 - 2023	1904/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	23.844	23.844	2063/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	23.830	23.830	238	238	21.000	21.000	17.700	10.000	7.700	3.300	3.300		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư				Quyết định phê duyệt đầu tư				Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2020				Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2023		Ghi chú	Chủ đầu tư	
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Trong đó, Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTT giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí năm 2021 - 2022		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT			
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT									Tổng số	Trong đó					
																						Năm 2021					Năm 2022
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																										
1	Dự án cải tạo và xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau (giai đoạn 1)	7007279	B	TP. Cà Mau	Hệ thống thoát nước; nhà máy xử lý nước thải	Đến hết tháng 9 năm 2023	480/QĐ-TTg ngày 08/4/2020	567.973	224.527	1258/QĐ-UBND ngày 27/8/2015; 1818/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	567.973	131.769	35.268	8.316	411.752	2.500	500	500	0	2.000	2.000			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng			
IV	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN																										
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023																										
1	Dự án xây dựng Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông tỉnh Cà Mau	7936405	C	Tỉnh Cà Mau	275 cum loa cho 29 xã, thị trấn	2021 - 2023	1429/QĐ-UBND ngày 28/7/2021; 1574/QĐ-UBND ngày 22/6/2022	16.000	16.000	2673/QĐ-UBND ngày 30/11/2021; 1774/QĐ-UBND ngày 15/7/2022	16.000	16.000	0	0	16.000	16.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000	8.000			Sở Thông tin và Truyền thông		
2	Dự án Trung tâm điều hành dịch vụ đô thị thông minh (IOC)	7970917	C	TP. Cà Mau	Mua sắm và lắp đặt thiết bị	2022 - 2024	710/QĐ-UBND ngày 04/3/2022	28.138	28.138	1731/QĐ-UBND ngày 11/7/2022	28.138	28.138			28.138	28.138	1.056	1.056	25.000	25.000					Sở Thông tin và Truyền thông		
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																										
1	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025	7899880	C	Tỉnh Cà Mau	Mua sắm thiết bị	2021 - 2025	2065/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	36.365	36.365	2282/QĐ-UBND ngày 30/11/2020	36.365	36.365	0	0	35.000	35.000	18.000	10.000	8.000	9.000	9.000					Văn phòng Tỉnh ủy	
V	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC																										
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023																										
1	Trụ sở hành chính xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	7871422	C	H. Năm Căn	Công trình dân dụng	2021 - 2023	1832/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	14.967	14.967	376/QĐ-SXD ngày 27/10/2020	14.967	14.967	0	0	14.750	14.750	13.750	7.400	6.350	1.000	1.000					Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn	
2	Trụ sở hành chính phường Tân Thành, thành phố Cà Mau	7862633	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2021 - 2023	1687/QĐ-UBND ngày 08/9/2020	14.935	14.935	414/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	14.926	14.926	0	0	12.600	12.600	10.000	7.000	3.000	2.600	2.600					Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
3	Trụ sở làm việc Khối đoàn thể huyện Cái Nước	7929928	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2022 - 2024	2524/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	14.997	14.997	279/QĐ-SXD ngày 30/11/2021	14.997	14.997	0	0	14.500	14.500	9.300	9.300	5.200	5.200					Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước		
4	Trụ sở hành chính xã Tân Hưng Đông, huyện Cái Nước	7929929	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2022 - 2024	2525/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	14.960	14.960	281/QĐ-SXD ngày 30/11/2021	14.960	14.960	0	0	14.500	14.500	9.200	9.200	5.300	5.300					Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước		
5	Trụ sở hành chính xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời	7916302	C	H. TVT	Công trình dân dụng	2022 - 2024	2252/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	14.493	14.493	209/QĐ-SXD ngày 27/10/2021	14.343	14.343	0	0	13.984	13.984	6.484	284	6.200	7.500	7.500					Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	
6	Trụ sở hành chính xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời	7916301	C	H. TVT	Công trình dân dụng	2022 - 2024	2239/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	14.481	14.481	210/QĐ-SXD ngày 27/10/2021	14.464	14.464	0	0	13.986	13.986	7.786	286	7.500	6.200	6.200					Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	
7	Trụ sở hành chính xã Khánh Bình Tây Bắc, huyện Trần Văn Thời	7916303	C	H. TVT	Công trình dân dụng	2022 - 2024	2238/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	14.471	14.471	211/QĐ-SXD ngày 27/10/2021	14.471	14.471	0	0	13.983	13.983	6.483	283	6.200	7.500	7.500					Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời	
8	Trụ sở hành chính phường 4, thành phố Cà Mau	7862962	C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2022 - 2024	1906/QĐ-UBND ngày 12/10/2020	14.947	14.947	203/QĐ-SXD ngày 25/10/2021	14.947	14.947	0	0	12.855	12.855	8.855	355	8.500	4.000	4.000					Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023																										
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình Trụ sở làm việc Tỉnh ủy Cà Mau	7817446	B	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2021 - 2024	1160/QĐ-UBND ngày 18/6/2021	362.690	362.690	1540/QĐ-UBND ngày 15/6/2022	362.690	362.690	0	0	330.000	330.000	5.300	5.300	100.000	100.000						Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
2	Trụ sở hành chính xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi	7894436	C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng	2021 - 2023	2039/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	14.014	14.014	412/QĐ-SXD ngày 30/10/2020; 940/SXD-QLXD ngày 14/4/2021	14.002	14.002	0	0	13.383	13.383	783	458	325	6.000	6.000					Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
3	Trụ sở hành chính thị trấn Rach Gốc, huyện Ngọc Hiển	7926103	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng	2022 - 2024	1907/QĐ-UBND ngày 12/10/2020	14.900	14.900	220/QĐ-SXD ngày 28/10/2021	14.900	14.900	0	0	14.500	14.500	4.500	500	4.000	6.000	6.000					Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023																										
1	Trụ sở hành chính phường 7, thành phố Cà Mau		C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2022 - 2024	1901/QĐ-UBND ngày 12/10/2020	14.972	14.972	204/QĐ-SXD ngày 25/10/2021	14.972	14.972	0	0	14.340	14.340	340	340	6.000	6.000						Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
2	Trụ sở hành chính phường 8, thành phố Cà Mau		C	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2022 - 2024	2691/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	14.781	14.781	299/QĐ-SXD ngày 01/11/2022	13.906	13.906	0	0	13.500	13.500	150	150	6.000	6.000						Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau	
3	Trụ sở hành chính xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi		C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng	2023 - 2025	2016/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	14.152	14.152	271/QĐ-SXD ngày 06/10/2022	14.152	14.152	0	0	13.500	13.500			6.000	6.000						Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2023		Ghi chú	Chủ đầu tư			
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Trong đó, Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSTT giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí năm 2021 - 2022				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT							Tổng số	Trong đó					
																				Năm 2021					Năm 2022
4	Trụ sở hành chính xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi		C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng	2023 - 2025	190/QĐ-UBND ngày 29/01/2021	14.114	14.114	226/QĐ-SXD ngày 29/10/2021	14.114	14.114	0	0	13.500	13.500	100	100	6.000	6.000		Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi			
5	Trụ sở hành chính thị trấn Trần Văn Thời, huyện Trần Văn Thời		C	H. TVT	Công trình dân dụng	2023 - 2025	2244/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	14.494	14.494	291/QĐ-SXD ngày 27/10/2022	14.494	14.494	0	0	13.500	13.500	314	314	6.000	6.000		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời			
6	Trụ sở hành chính thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời		C	H. TVT	Công trình dân dụng	2023 - 2024	2044/QĐ-UBND ngày 29/10/2020; 2479/QĐ-UBND ngày 03/10/2022	20.153	20.153	2642/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	20.153	20.153	0	0	19.248	19.248	248	248	9.000	9.000		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời			
(4)	Dự phòng (bao gồm dự kiến thực hiện Đề án 06)							61.000	61.000		61.000	61.000			61.000	61.000			2.000	2.000		Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai sử dụng theo quy định			
VI	QUỐC PHÒNG, AN NINH							256.367	139.467		253.835	136.935	0	0	131.107	131.107	32.107	10.075	22.032	34.000	34.000				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023							80.261	80.261		79.909	79.909	0	0	75.007	75.007	32.107	10.075	22.032	23.000	23.000				
1	Dự án đầu tư xây dựng Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau giai đoạn 2021 - 2025	7004686	B	Các H, TP	40 trụ sở	2021 - 2025	2003/QĐ-UBND ngày 22/10/2020	80.261	80.261	2094/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	79.909	79.909	0	0	75.007	75.007	32.107	10.075	22.032	23.000	23.000		Công an tỉnh Cà Mau		
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2023							176.106	59.206		173.926	57.026	0	0	56.100	56.100	0	0	0	11.000	11.000				
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình cơ sở làm việc khối cảnh sát thuộc Công an tỉnh Cà Mau	7004692	B	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2022 - 2025	8590/QĐ-BCA-H01 ngày 22/10/2021	167.000	50.100	4647/QĐ-BCA-H02 ngày 21/6/2022	167.000	50.100			50.100	50.100					5.000	5.000		Công an tỉnh Cà Mau	
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình San lấp mặt bằng Trường bản, thao trường huấn luyện tỉnh Cà Mau (giai đoạn 2) tại xã Khánh Lâm, huyện U Minh	7004686	C	H. U Minh	38.504m2	2022 - 2024	1353/QĐ-UBND ngày 18/5/2022	9.106	9.106	261/QĐ-SXD ngày 30/9/2022	6.926	6.926			6.000	6.000					6.000	6.000		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau	
VII	QUY HOẠCH TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050	7783650		Tỉnh Cà Mau	Quy hoạch	2020 - 2022	2064/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	59.518	59.518	2064/QĐ-UBND ngày 29/10/2020	59.518	59.518	475	475	39.608	39.608	16.308	15.758	550	23.300	23.300		Sơ Kế hoạch và Đầu tư		
VIII	QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ QUY HOẠCH NÔNG THÔN			Tỉnh Cà Mau	Quy hoạch	2021 - 2025	Các quyết định	46.275	46.275	Các quyết định	46.275	46.275	0	0	46.275	46.275	34.269	23.651	10.618	4.003	4.003		Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân khai (kể cả hỗ trợ cho các huyện, thành phố)		
IX	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TỒN ĐỘNG KHI QUYẾT TOÁN VÀ THU HỒI CÁC KHOẢN ỨNG TRƯỚC VỐN NSTW KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỂ BỎ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN NSTW							59.843	59.843		59.843	59.843	0	0	59.843	59.843	44.843	14.843	30.000	5.000	5.000		Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai sử dụng theo quy định		
X	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ							8.000	8.000		8.000	8.000	0	0	7.000	7.000					1.000	1.000		Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai sử dụng theo quy định	
XI	CHI TRẢ NỢ GÓC							54.678	54.678		54.678	54.678	0	0	54.000	54.000	13.500			13.500	13.500	13.500		Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai sử dụng theo quy định	

PHỤ LỤC VI.1

DANH MỤC DỰ ÁN ĐỀ XUẤT GIA HẠN THỜI GIAN BỔ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Thời gian KC - HT	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2022		Đề xuất HĐND tỉnh cho phép gia hạn thời gian bổ trí vốn	Dự kiến Kế hoạch vốn năm 2023 sau khi được HĐND tỉnh cho phép gia hạn thời gian bổ trí vốn		Ghi chú	Chủ đầu tư		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT									
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
	TỔNG SỐ					3.488.978	1.769.663	2.035.447	338.474		379.143	262.120				
I	Y TẾ					408.394	351.503	331.295	274.349		11.600	11.600				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023					408.394	351.503	331.295	274.349		11.600	11.600				
1	Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Cà Mau	7570996	B	2017 - 2022	1812/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2137/QĐ-UBND ngày 04/12/2019; 1524/QĐ-UBND ngày 13/6/2022	194.761	137.870	150.276	93.330	2023	8.600	8.600	Dự án đã được bổ trí kế hoạch vốn 04 năm (từ năm 2018-2021). Nay, chủ đầu tư đề nghị bổ trí Kế hoạch đầu tư công năm 2023 để thanh toán khối lượng thực hiện, hoàn thành dự án trong năm 2023, vượt thời gian tối đa được bổ trí vốn đối với dự án nhóm B (không quá 04 năm) theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019. Việc quyết định gia hạn thời gian bổ trí vốn thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh; do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép tiếp tục bổ trí kế hoạch vốn thực hiện dự án đến năm 2023	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
2	Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng tỉnh Cà Mau	7146174	B	2014 - 2022	1625/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; 1762/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 8162/UBND-XD ngày 21/12/2021	213.633	213.633	181.019	181.019	2023	3.000	3.000	Dự án đã được bổ trí kế hoạch vốn 07 năm (từ năm 2014 - 2020), vượt thời gian tối đa được bổ trí vốn đối với dự án nhóm B (không quá 04 năm) theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019. Nay, chủ đầu tư đề nghị bổ trí Kế hoạch đầu tư công năm 2023 là 17.505 triệu đồng để hoàn trả tạm ứng ngân sách tỉnh và thực hiện công tác bồi thường, GPMB (3.000 triệu đồng), sau khi thực hiện hoàn thành công tác bồi thường GPMB sẽ triển khai thi công các hạng mục còn lại, kết thúc dự án. Việc quyết định gia hạn thời gian bổ trí vốn thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh; do dự án chưa xác định được thời gian hoàn thành công tác bồi thường GPMB nên chưa có cơ sở đề xuất bổ trí đủ vốn để thực hiện hoàn thành dự án. Vì vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép tiếp tục bổ trí kế hoạch vốn thực hiện dự án đến năm 2023 để dự án thực hiện công tác bồi thường GPMB, phần vốn còn lại sẽ đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét sau khi dự án hoàn thành công tác bồi thường GPMB, tránh tình trạng thừa vốn phải điều chỉnh giảm	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
II	ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU					901.522	186.264	288.983	64.125		144.023	27.000				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023					901.522	186.264	288.983	64.125		144.023	27.000				

1	Đổi ứng Tiêu Dự án 8: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khi hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL - ICRSL"	7605935	B	2016 - 2022	1563/QĐ-UBND ngày 24/9/2018; 2710/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	792.883	112.625	228.157	38.299	2023	127.023	10.000	Thời gian thực hiện dự án theo Hiệp định đã ký là đến hết năm 2022. Theo hướng dẫn của Ngân hàng Thế giới, dự án được giải ngân 4 tháng sau ngày kết thúc quy định trong hợp đồng tài chính; đó đó, dự kiến bố trí Kế hoạch vốn ODA năm 2023 cho dự án là 75.123 triệu đồng. Để đảm bảo bố trí kế hoạch vốn đối ứng thực hiện dự án phù hợp theo Kế hoạch vốn ODA năm 2023 dự kiến bố trí, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép tiếp tục bố trí Kế hoạch vốn đối ứng ngân sách địa phương năm 2023 thực hiện dự án tương đương với thời gian được phép giải ngân vốn ODA theo hướng dẫn của Ngân hàng Thế giới nêu trên	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Bờ kè chống sạt lở khu dân cư thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn	7005815	B	2014 - 2023	1384/QĐ-UBND ngày 06/9/2014; 1764/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 2623/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	108.639	73.639	60.826	25.826	2024	17.000	17.000	Dự án đã được bố trí kế hoạch vốn 04 năm (năm 2017, năm 2018, năm 2021, năm 2022). Nay, chủ đầu tư đề nghị bố trí Kế hoạch đầu tư công năm 2023 để thanh toán khối lượng thực hiện, hoàn thành dự án trong năm 2023, với số tiền là 47.000 triệu đồng, vượt thời gian tối đa được bố trí vốn đối với dự án nhóm B (không quá 04 năm) theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019. Việc quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh. Tuy nhiên, do không đảm bảo khả năng cân đối bố trí vốn trong năm 2023; do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép tiếp tục bố trí kế hoạch vốn thực hiện dự án đến năm 2024. Trường hợp dự án có tiến độ giải ngân tốt và ngân sách tỉnh có nguồn vốn bổ sung, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện, sớm hoàn thành dự án trong năm 2023	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
III DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG						2.179.062	1.231.896	1.415.169			223.520	223.520			
(1) Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023						2.179.062	1.231.896	1.415.169			223.520	223.520			
1	Thanh toán cho 02 dự án BT					2.179.062	1.231.896	1.415.169		2023	223.520	223.520		Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai sau khi các dự án đảm bảo đủ điều kiện thanh toán theo đúng quy định	
1.1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường phía bờ Nam Sông Đốc nối vào Quốc lộ 1A (Rau Dừa - Rạch Ráng - Sông Đốc)	7249003	B	2013 - 2020	1566/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1655/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 1271/QĐ-UBND ngày 31/7/2019; 72/QĐ-UBND ngày 13/01/2019	1.521.792	973.687	1.156.960						Các dự án đã được bố trí kế hoạch vốn 08 năm (từ năm 2013 - 2022), vượt thời gian tối đa được bố trí vốn đối với dự án nhóm B (không quá 04 năm) theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019 và dự án đã hoàn thành khối lượng theo quyết định phê duyệt đầu tư của cấp thẩm quyền. Hiện nay, các dự án còn một số chi phí chưa thanh toán cho Nhà đầu tư. Việc quyết định gia hạn thời gian bố trí vốn thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh; do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh cho phép tiếp tục bố trí kế hoạch vốn thực hiện các dự án đến năm 2023. Nội dung này Ủy ban nhân dân tỉnh đã đề xuất Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kế hoạch đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất năm 2023	Sở Giao thông vận tải
1.2	Dự án đầu tư xây dựng đường cứu hộ, cứu nạn đê biển Tây, phục vụ an ninh, quốc phòng khu vực Hòn Đá Bạc kết hợp phòng chống cháy rừng Vườn quốc gia U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau (tuyến đường Tắc Thủ - Vàm Đá Bạc)	7249001	B	2013 - 2020	1569/QĐ-UBND 31/10/2012; 1656/QĐ-UBND 31/10/2012; 1683/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	657.270	258.209	258.209						Sở Giao thông vận tải	

PHỤ LỤC VI.2
KẾ HOẠCH VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2023

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng	Thời gian KC HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2023		Ghi chú	Chủ đầu tư		
							Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Trong đó, Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn XSKT giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí năm 2021 - 2022				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT
								Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó												
									Năm 2021			Năm 2022							Năm 2021	Năm 2022				
8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22										
TỔNG SỐ							15.643.574	6.713.057		15.602.499	6.669.248	2.083.893	251.247	12.083.631	5.311.328	927.029	405.424	521.605	2.848.834	1.600.000				
I GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO							1.871.199	1.353.026		1.870.448	1.352.275	0	0	1.277.142	1.277.142	292.823	156.788	136.035	396.500	396.500				
(1) Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023							132.088	132.088		132.086	132.086	0	0	125.100	125.100	59.500	500	59.000	65.600	65.600				
1	Trường THPT Cái Nước, huyện Cái Nước	7882220	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2021 - 2023	35/QĐ-UBND ngày 08/01/2021	33.577	33.577	1268/QĐ-UBND ngày 08/7/2021	33.577	33.577		33.500	33.500	15.500	500	15.000	18.000	18.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
2	Trường THPT Phú Tân, huyện Phú Tân	7923046	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng	2022 - 2024	2155/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	14.996	14.996	260/QĐ-SXD ngày 18/11/2021	14.996	14.996		14.000	14.000	8.000		8.000	6.000	6.000		Ban Quản lý các dự án ODA và NGO		
3	Trường THPT Khánh Lâm, huyện U Minh	7922891	C	H. U Minh	Công trình dân dụng	2022 - 2024	2156/QĐ-UBND ngày 11/10/2021	14.998	14.998	253/QĐ-SXD ngày 11/11/2021	14.998	14.998		13.500	13.500	7.000		7.000	6.500	6.500		Ban Quản lý các dự án ODA và NGO		
4	Trường THCS và THPT Tân Bằng, huyện Thới Bình	7954009	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng	2022 - 2024	2631/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	21.675	21.675	1261/QĐ-UBND ngày 28/4/2022	21.673	21.673		20.000	20.000	5.000		5.000	15.000	15.000		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình		
5	Trường THCS Quang Trung, huyện Cái Nước	7929925	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2022 - 2024	2544/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	14.963	14.963	283/QĐ-SXD ngày 30/11/2021	14.963	14.963		14.500	14.500	9.000		9.000	5.500	5.500		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước		
6	Trường THCS Trần Quốc Toàn, xã Thành Phú, huyện Cái Nước (giai đoạn 2)	7929926	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2022 - 2024	2545/QĐ-UBND ngày 19/11/2021	14.994	14.994	282/QĐ-SXD ngày 30/11/2021	14.994	14.994		14.500	14.500	9.000		9.000	5.500	5.500		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước		
7	Trường THCS 2 Sóng Đốc, huyện Trần Văn Thời	7944947	C	H. Trần Văn Thời	Công trình dân dụng	2022 - 2024	749/QĐ-UBND ngày 16/4/2021	8.165	8.165	218/QĐ-SXD ngày 28/10/2021	8.165	8.165		6.600	6.600	3.000		3.000	3.600	3.600		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời		
8	Trường THCS 2 Phong Điền, huyện Trần Văn Thời	7943365	C	H. Trần Văn Thời	Công trình dân dụng	2022 - 2023	34/QĐ-UBND ngày 08/01/2021	8.720	8.720	219/QĐ-SXD ngày 28/10/2021	8.720	8.720		8.500	8.500	3.000		3.000	5.500	5.500		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời		
(2) Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023							1.320.208	803.835		1.320.204	803.831	0	0	800.842	800.842	232.123	155.288	76.835	138.900	138.900				
1	Đề án mua sắm trang thiết bị đáp ứng yêu cầu Chương trình giáo dục phổ thông giai đoạn 2021 - 2025	7930045	B	Cà Mau	Mua sắm trang thiết bị	2021 - 2025	175/QĐ-UBND ngày 26/01/2021; 1801/QĐ-UBND ngày 16/9/2021	1.167.215	650.842	2577/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	1.167.215	650.842		650.842	650.842	204.123	155.288	48.835	81.000	81.000		Sở Giáo dục và Đào tạo		
2	Trường THCS và THPT Tân Lộc, huyện Thới Bình	7939868	C	H. Thới Bình	Công trình dân dụng	2022 - 2024	2692/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	35.458	35.458	1262/QĐ-UBND ngày 28/4/2022	35.457	35.457		35.000	35.000	5.000		5.000	15.900	15.900		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
3	Trường THPT U Minh, huyện U Minh	7923060	C	H. U Minh	Công trình dân dụng	2022 - 2024	2211/QĐ-UBND ngày 15/10/2021	44.716	44.716	2619/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	44.716	44.716		44.000	44.000	10.000		10.000	17.000	17.000		Ban Quản lý các dự án ODA và NGO		
4	Trường THPT Viên An, huyện Ngọc Hiển	7926065	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng	2022 - 2024	2340/QĐ-UBND ngày 01/11/2021	36.871	36.871	2618/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	36.871	36.871		36.000	36.000	12.000		12.000	15.000	15.000		Ban Quản lý các dự án ODA và NGO		
5	Trường THPT Ngọc Hiển, huyện Ngọc Hiển	7956905	C	H. Ngọc Hiển	Công trình dân dụng	2022 - 2024	2693/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	35.948	35.948	1388/QĐ-UBND ngày 23/5/2022	35.945	35.945		35.000	35.000	1.000		1.000	10.000	10.000		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển		
(3) Các dự án khởi công mới năm 2023							418.903	417.103		418.158	416.358	0	0	351.200	351.200	1.200	1.000	200	192.000	192.000				
1	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai, huyện Phú Tân	7939870	C	H. Phú Tân	Công trình dân dụng	2022 - 2024	2632/QĐ-UBND ngày 26/11/2021	14.768	14.768	244/QĐ-SXD ngày 15/9/2022	14.768	14.768	0	0	14.200	14.200	200		200	7.000	7.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
2	Trường THCS Phan Ngọc Hiển, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi		C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng	2023 - 2024	2073/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	12.817	12.817	253/QĐ-SXD ngày 26/9/2022	12.328	12.328		11.000	11.000	0			7.000	7.000		Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi		
3	Trường THCS - THPT Nguyễn Huệ, xã Nguyễn Huệ, huyện Đầm Dơi		C	H. Đầm Dơi	Công trình dân dụng	2022 - 2024	2418/QĐ-UBND ngày 15/12/2020; 2915/QĐ-UBND ngày 21/12/2021	21.328	21.328	1695/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	21.328	21.328	0	0	21.000	21.000	0			10.000	10.000		Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi	
4	Trường TH-THCS Trần Quốc Toàn, xã Khánh Tiến, huyện U Minh		C	H. U Minh	Công trình dân dụng	2023 - 2024	2069/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.998	14.998	216/QĐ-SXD ngày 28/10/2021; 6738/UBND-XD ngày 06/10/2022	14.963	14.963	0	0	14.500	14.500	500	500		7.000	7.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
5	Trường TH-THCS Đỗ Thừa Tư, xã Khánh Thuận, huyện U Minh		C	H. U Minh	Công trình dân dụng	2023 - 2024	2068/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	14.995	14.995	141/QĐ-SXD ngày 16/8/2021; 6738/UBND-XD ngày 06/10/2022	14.981	14.981	0	0	14.500	14.500	500	500		7.000	7.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
6	Hỗ trợ đầu tư các trường thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện năm 2023			Các huyện, thành phố				339.997	338.197		339.790	337.990	0	0	276.000	276.000	0	0	0	154.000	154.000			

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025					Kế hoạch vốn năm 2023		Ghi chú	Chủ đầu tư				
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Trong đó, Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn XSKT giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí năm 2021 - 2022			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT									Tổng số					Trong đó	
																										Năm 2021	Năm 2022
	Trường Tiểu học Chả Lả, xã Trần Phú		C	Xã Trần Phú	Công trình dân dụng	2023 - 2024	553/QĐ-UBND ngày 19/9/2022	14.441	14.441	594/QĐ-UBND ngày 04/10/2022	14.401	14.401			12.000	12.000	0			8.000	8.000						
II	Y TẾ							4.405.370	1.763.143		4.382.998	1.740.771	262.768	205.822	3.903.461	1.404.148	108.412	72.558	35.854	679.600	457.600						
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023							408.394	351.503		408.394	351.503	262.295	205.349	80.600	80.600	69.000	69.000	0	11.600	11.600						
1	Bệnh viện Lao và bệnh phổi tỉnh Cà Mau	7570996	B	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2017 - 2022	107/HĐND-TT ngày 06/6/2016; 25/NQ-HĐND ngày 04/10/2019; 02/NQ-HĐND ngày 30/3/2022	194.761	137.870	1812/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2137/QĐ-UBND ngày 04/12/2019; 1524/QĐ-UBND ngày 13/6/2022	194.761	137.870	81.276	24.330	77.600	77.600	69.000	69.000		8.600	8.600		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng				
2	Bệnh viện Điều dưỡng - Phục hồi chức năng tỉnh Cà Mau	7146174	B	TP. Cà Mau	Công trình dân dụng	2014 - 2022		213.633	213.633	1625/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; 1762/QĐ-UBND ngày 31/10/2018; 8162/UBND-XD ngày 21/12/2021	213.633	213.633	181.019	181.019	3.000	3.000	0		3.000	3.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng					
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023							416.606	330.583		416.583	330.560	0	0	267.145	267.145	27.635	1.781	25.854	112.000	112.000						
1	Đổi ứng Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Cà Mau	7867620	B	Các huyện, thành phố	23 trạm y tế xã	2019 - 2025	1467/QĐ-TTg ngày 02/11/2018	103.168	17.145	2036/QĐ-UBND ngày 30/9/2021	103.168	17.145	0	0	17.145	17.145	1.285	1.131	154	2.000	2.000		Sơ Y tế				
2	Dự án đầu tư hạ tầng chung các công trình lĩnh vực Y tế	7874567	B	TP. Cà Mau	Các hạng mục công trình	2021 - 2024	2379/QĐ-UBND ngày 09/12/2020	313.438	313.438	2004/QĐ-UBND ngày 29/9/2021	313.415	313.415	0	0	250.000	250.000	26.350	650	25.700	110.000	110.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông				
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023							3.580.370	1.081.057		3.558.021	1.058.708	473	473	3.555.716	1.056.403	11.777	1.777	10.000	556.000	334.000						
1	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau quy mô 1.200 giường bệnh	7602257	A	TP. Cà Mau	1.200 giường	2021 - 2025	05/NQ-HĐND ngày 10/7/2020; 31/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	3.322.575	975.262	2759/QĐ-UBND ngày 16/11/2022	3.301.653	954.340	473	473	3.301.653	954.340	11.777	1.777	10.000	370.000	300.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng				
2	Dự án nâng cấp Bệnh viện Quận - Dân y tỉnh Cà Mau		B	TP. Cà Mau	120 giường bệnh	2021 - 2024	2764/QĐ-UBND ngày 08/12/2021	75.163	75.163	2224/QĐ-UBND ngày 26/8/2022	75.163	75.163			73.163	73.163	0			20.000	20.000		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau				
3	Dự án đầu tư xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho 10 Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế tuyến huyện, tỉnh Cà Mau	7971692	B	Các huyện: NC, CN, DD, TVT, NH, PT, TB, TPCM	10 BVDK, TTYT tuyến huyện	2022 - 2023	2240/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	101.300	4.300		101.300	4.300			101.000	4.000	0			101.000	4.000		Ban Quản lý các dự án ODA và NGO				
4	Dự án đầu tư xây dựng, nâng cấp cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 19 Trạm Y tế xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Cà Mau	7973464	B	Các huyện: ĐD, TB, NH, NC, PT, UM	19 Trạm	2022 - 2023	2247/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	70.000	15.000		70.000	15.000			70.000	15.000	0			60.000	5.000		Ban Quản lý các dự án ODA và NGO				
5	Dự án đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 500m3/ngày đêm tại Bệnh viện đa khoa Cà Mau	7939867	C	TP. Cà Mau	500m3/ngày đêm	2022 - 2024	2861/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	11.332	11.332	309/QĐ-SXD ngày 08/11/2022	9.905	9.905			9.900	9.900				5.000	5.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng				
III	VĂN HÓA, THÔNG TIN							40.140	40.140		35.137	35.137	0	0	217.000	217.000	18.000	8.000	10.000	29.000	29.000						
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023							28.140	28.140		23.137	23.137	0	0	27.000	27.000	18.000	8.000	10.000	9.000	9.000						
1	Khu Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao huyện Năm Căn	7871421	C	H. Năm Căn	Công trình dân dụng	2021 - 2023	2076/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 1844/QĐ-UBND ngày 22/7/2022	19.462	19.462	415/QĐ-SXD ngày 30/10/2020	14.459	14.459	0	0	19.000	19.000	14.000	8.000	6.000	5.000	5.000		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn				
2	Cải tạo, mở rộng Trụ sở Trung tâm Văn hóa, Truyền thông và Thể thao huyện Cái Nước	7929927	C	H. Cái Nước	Công trình dân dụng	2022 - 2024	2523/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	8.678	8.678	280/QĐ-SXD ngày 30/11/2021	8.678	8.678	0	0	8.000	8.000	4.000		4.000	4.000	4.000		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước				
(2)	Dự phòng (bao gồm dự kiến bố trí cho Khu Tượng đài kỷ niệm chuyển tàu tập kết ra Bắc năm 1954...)							12.000	12.000		12.000	12.000	0	0	190.000	190.000	0			20.000	20.000		Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân phát sử dụng				
IV	TRUYỀN HÌNH							18.803	18.803		18.797	18.797	0	0	17.300	17.300	300	0	300	7.000	7.000						

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025				Kế hoạch vốn năm 2023		Ghi chú	Chủ đầu tư			
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT			Trong đó, Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn XSKT giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí năm 2021 - 2022	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT													
																							Năm 2021	Năm 2022	
1	Đổi ứng Tiêu Dự án 8: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khi hậu tổng hợp và sinh kế bền vững ĐBSCL - ICRSL"	7605935	B	Các huyện: NH, NC, DD, PT, UM, TVT	Các hạng mục công trình	2016 - 2022	1693/QĐ-BNN ngày 09/5/2016	792.883	116.265	1563/QĐ-UBND ngày 24/9/2018; 2710/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	792.883	112.625	228.157	38.299	541.201	74.000	30.000	12.000	18.000	161.023	44.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Bô kê chống sạt lở khu dân cư thị trấn Năm Căn, huyện Năm Căn	7005815	B	H. Năm Căn	789 m	2014 - 2023	11QĐ-HĐND ngày 25/5/2017; 31/NQ-HĐND ngày 15/7/2021	108.639	73.639	1384/QĐ-UBND ngày 06/9/2014; 1764/QĐ-UBND ngày 30/10/2018; 2623/QĐ-UBND ngày 25/11/2021	108.639	73.639	15.826	5.826	92.000	67.000	20.000	20.000	17.000	17.000	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT				
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình xử lý khẩn cấp sạt lở bờ biển tại ấp Lưu Hoa Thanh, xã Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau (đoạn từ ngã ba Kênh Nông Trường đến Kênh Thủy lợi giáp sông Gành Hào)	7937242	C	H. Đầm Dơi	200m	2021 - 2022	3005/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	40.589	40.589	3005/QĐ-UBND ngày 28/12/2021	40.589	40.589			40.067	40.067	29.767	29.767	10.300	10.300	Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023							378.409	47.865		378.409	48.771	160.673	0	34.383	34.383	14.383	10.283	4.100	3.850	3.850				
1	Dự án trồng rừng phòng hộ ven sông, gây bồi tạo bãi trồng rừng của sông, ven biển	7738767	B	Các huyện: Năm Căn, Ngọc Hiển, Phú Tân	Các hạng mục công trình	2018 - 2024	06/QĐ-HĐND ngày 21/3/2018; 13/NQ-HĐND ngày 12/7/2019; 24/NQ-HĐND ngày 04/10/2019	179.579	18.000	1740/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 1258/QĐ-UBND ngày 30/7/2019; 2045/QĐ-UBND ngày 18/11/2019	179.579	18.906	160.673		18.000	18.000	7.000	5.900	1.100	850	850	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
2	Đổi ứng thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025	Nhiều công trình	B	Cà Mau	Các hạng mục	2021 - 2025	997/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; 2326/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	198.830	29.865	997/QĐ-UBND ngày 25/5/2021; 2326/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	198.830	29.865	0	0	16.383	16.383	7.383	4.383	3.000	3.000	3.000	Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai sử dụng			
(3)	Các dự án khởi công mới năm 2023							292.696	118.851		292.531	118.686	0	0	291.845	118.000	500	0	500	34.854	16.000				
1	Đổi ứng Dự án "Kết hợp bảo vệ vùng ven biển và phục hồi dai rừng ngập mặn tỉnh Kiên Giang và Cà Mau" sử dụng vốn vay ODA của Chính phủ Đức (KfW)	7731818	B	H. U Minh	9.917 m	2017 - 2025	617/QĐ-TTg ngày 08/5/2017; 815/QĐ-TTg ngày 12/7/2022	230.965	57.120	5758/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/12/2017; 2986/QĐ-BNN-HTQT ngày 05/8/2022	230.965	57.120	0	0	230.845	57.000	500	500	500	19.854	1.000	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn			
2	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư nhóm 6B, thị trấn Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời	7949335	B	H. TVT	365 hộ	2022 - 2025	974/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	61.731	61.731	2659/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	61.566	61.566			61.000	61.000	0		15.000	15.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông				
X	DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG							6.931.875	2.679.495		6.919.204	2.666.824	1.416.069	900	4.935.648	1.630.434	318.300	94.051	224.249	1.179.020	349.020				
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2023							2.399.301	1.452.135		2.398.401	1.451.235	1.415.569	400	417.020	417.020	179.000	66.051	112.949	238.020	238.020				
1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông kết nối vào khu vực Đầm Thị Tường	7859742	B	Các huyện: Phú Tân, Cái Nước, Trần Văn Thời	2.938 m	2021 - 2023	1723/QĐ-UBND ngày 11/9/2020; 29/QĐ-UBND ngày 06/01/2022	161.363	161.363	2091/QĐ-UBND ngày 30/10/2020; 1137/QĐ-UBND ngày 15/4/2022	161.363	161.363	0	0	151.000	151.000	139.000	50.130	88.870	12.000	12.000	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông			
2	Dự án đầu tư xây dựng nâng cấp đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn từ ngã tư Xóm Ruộng đến thị trấn Đầm Dơi), huyện Đầm Dơi	7825447	C	H. Đầm Dơi	3.053 m	2021 - 2023	631/QĐ-UBND ngày 15/4/2020	58.876	58.876	1897/QĐ-UBND ngày 09/10/2020	57.976	57.976	400	400	42.500	42.500	40.000	15.921	24.079	2.500	2.500	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông			
3	Thanh toán cho 02 dự án BT							2.179.062	1.231.896		2.179.062	1.231.896	1.415.169		223.520	223.520			223.520	223.520	Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai sau khi các dự án đảm bảo đủ điều kiện thanh toán theo đúng quy định				
3.1	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường phía bờ Nam Sông Đốc nối vào Quốc lộ 1A (Rau Dừa - Rạch Ràng - Sông Đốc)	7249003	B	H. CN, TVT	Cấp IV ĐB	2013 - 2020		1.521.792	973.687	1566/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1655/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 1271/QĐ-UBND ngày 31/7/2019; 72/QĐ-UBND ngày 13/01/2019	1.521.792	973.687	1.156.960								Sở Giao thông vận tải				
3.2	- Dự án đầu tư xây dựng đường cứu hộ, cứu nạn đê biển Tây, phục vụ an ninh, quốc phòng khu vực Hòn Đá Bạc kết hợp phòng chống cháy rừng Vườn quốc gia U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau (tuyến đường Tắc Thủ - Vàm Đá Bạc)	7249001	B	H. TVT, UM	Cấp IV ĐB	2013 - 2020		657.270	258.209	1569/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1656/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1683/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	657.270	258.209	258.209								Sở Giao thông vận tải				
(2)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2023							4.532.574	1.227.360		4.520.803	1.215.589	500	500	4.518.628	1.213.414	139.300	28.000	111.300	941.000	111.000				

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Nhóm dự án	Địa điểm xây dựng	Quy mô xây dựng	Thời gian KC-HT	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư			Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân đến hết Kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025						Kế hoạch vốn năm 2023		Ghi chú	Chủ đầu tư		
							Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Trong đó, Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn XSKT giai đoạn 2021 - 2025 đã bố trí năm 2021 - 2022			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn XSKT	
								Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Trong đó					
																					Tổng số					Năm 2021
1	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường về trung tâm xã Hàng Vĩnh (ngã tư Vòng Xoay đến Vàm Xáng Cái Ngay), huyện Năm Căn	7859367	B	H. Năm Căn	9 km	2021 - 2024	1817/QĐ-UBND ngày 25/9/2020	101.420	101.420	2280/QĐ-UBND ngày 27/11/2020	101.420	101.420	500	500	100.000	100.000	31.000	28.000	3.000	21.000	21.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông			
2	Dự án đầu tư xây dựng cầu sông Ông Đốc, tuyến trục Đông - Tây và cầu sông Gành Hào	7875095	B	Các huyện: ĐD, CN, TVT	18 km; 02 cầu lớn	2021 - 2024	977/QĐ-UBND ngày 21/5/2021	2.159.555	591.163	1028/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	2.149.476	581.084	0	0	2.149.476	581.084	80.000		80.000	380.000	50.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông			
3	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cái Nước - Vàm Đĩnh - Cái Đồi Vàm	7907305	B	Các huyện: Cái Nước, Phú Tân	25,3km, 01 cầu	2022 - 2025	2003/QĐ-UBND ngày 29/9/2021	736.437	113.430	2681/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	736.290	113.283	0	0	736.290	113.283	8.300		8.300	160.000	10.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông			
4	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường U Minh - Khánh Hội	7907306	B	H. U Minh	18,3 km	2022 - 2025	2256/QĐ-UBND ngày 22/10/2021	760.391	180.044	2682/QĐ-UBND ngày 02/12/2021	759.894	179.547	0	0	759.894	179.547	20.000		20.000	120.000	20.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông			
5	Dự án nâng cấp, mở rộng tuyến đường Cà Mau - Đầm Dơi (đoạn từ đường Hải Thượng Lãn Ông đến cầu Xóm Ruộng)	7864568	B	TP. Cà Mau, H. Đầm Dơi	19,05 km	2022 - 2025	2057/QĐ-UBND ngày 29/10/2020; 2554/QĐ-UBND ngày 22/11/2021	774.771	241.303	1030/QĐ-UBND ngày 31/5/2021; 3122/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	773.723	240.255	0	0	772.968	239.500				260.000	10.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông			
XI	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ							16.428	16.428		16.428	16.428			8.858	8.858	928	928		1.530	1.530		Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai sử dụng theo đúng quy định			
XII	THANH TOÁN KHỐI LƯỢNG TỒN DƯỠNG KHI QUYẾT TOÁN VÀ BỐ TRÍ THU HỒI CÁC KHOẢN ỨNG TRƯỚC NGÂN SÁCH TỈNH							20.000	20.000		20.000	20.000			25.000	25.000	10.000		10.000	5.000	5.000		Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân khai sử dụng theo đúng quy định			

